

Bản nháp  
**CHỮ NÔM HUẾ**

**Phan Đăng**  
Khoa Ngữ Văn  
Trường Đại học Khoa học Huế

*Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm*  
Huế 2006

Ai cũng biết chữ Nôm là thứ quốc ngữ đầu tiên của người Việt Nam và đã ra đời từ rất sớm, nhưng do chưa được điền chế hoá nên chữ Nôm vẫn còn nhiều hạn chế mà rõ nhất là ở cách cấu tạo của nó. Để cấu tạo chữ Nôm, người xưa đã có những qui ước chung, tạo thành một kiểu chữ Nôm có tính phổ biến, nhưng bên cạnh đó còn có một bộ phận chữ Nôm được cấu tạo do ảnh hưởng cách phát âm địa phương cũng đã làm cho việc đọc văn bản Nôm gặp không ít khó khăn. Chữ Nôm Huế là một trong bộ phận ấy.

Về nguyên tắc, chữ Nôm do người Huế viết vẫn tuân thủ các qui ước chung, nét riêng biệt của chữ Nôm Huế chính là bộ phận chữ Nôm có yếu tố thanh phù mang tính đặc thù của cách phát âm của người Huế.

Tiếng Huế có một bộ phận do phụ âm đầu, thanh và vần khác với cách phát âm của các vùng khác, tạo ra cách phát âm riêng của người Huế, cho nên khi dùng chữ Hán làm yếu tố thanh phù trong cấu tạo chữ Nôm của người Huế có phần khác với chữ Nôm ở các vùng khác, chúng ta thử so sánh:

𡗗 Ang (vài) = Thổ 土 + An 安 (Huế)      X = Thổ 土 + Áng 盎 (nơi khác)

𡗗 Đàng (lẽ) = Đán 旦 (Huế)      當 = Dương (đang) (nơi khác)

Để tìm hiểu cách cấu tạo chữ Nôm Huế, chúng tôi phân ra làm ba phần: Cấu tạo chữ Nôm Huế dựa vào hệ thống thanh, hệ thống phụ âm đầu và hệ thống vần của tiếng Huế.

### **I. HỆ THỐNG THANH CỦA TIẾNG HUẾ VỚI VIỆC CẤU TẠO CHỮ NÔM HUẾ**

Trong cách cấu tạo chữ Nôm nói chung, chúng ta thấy thanh điệu của âm Việt và âm Hán Việt có mối tương quan khá chặt chẽ, chúng tạo thành từng cặp tương ứng, ví dụ:

Va (chạm) 𡗗                      (Ba) 𡗗                      (cặp thanh ngang)

Tàng (lâu) 𡗗                      (Tàng) 𡗗                      (cặp thanh huyền)

Bên cạnh những cặp thanh tương ứng, trong cách cấu tạo của chữ Nôm còn thấy xuất hiện một số trường hợp chuyển đổi thanh ở các cặp sau:

1. Cặp thanh sắc và hỏi.
2. Cặp thanh sắc và nặng.
3. Cặp thanh hỏi và ngã.
4. Cặp thanh ngang và huyền.
5. Thanh hỏi, ngã âm của chữ Hán ghi âm Nôm có thanh nặng.

6. Thanh ngang, huyền âm của chữ Hán ghi âm chữ Nôm có thanh sắc.
7. Thanh nặng âm của chữ Hán ghi âm chữ Nôm có thanh huyền.
8. Thanh ngang âm của chữ Hán ghi âm chữ Nôm có thanh huyền.

Với tiếng Huế, xét từ góc độ thanh điệu thì người Huế vẫn phát âm rõ được 4 thanh là ngang, huyền, sắc và nặng, chỉ khác là người Huế không phân biệt được hai thanh hỏi và ngã, hai thanh ấy được xem là một nhưng nghiêng về thanh hỏi nhiều hơn, hoặc thanh hỏi và ngã được chuyển thành thanh nặng.

Như vậy, việc cấu tạo chữ Nôm Huế với hệ thống thanh điệu của tiếng Huế không thay đổi gì nhiều so với từng cặp thanh tương ứng hay với 8 trường hợp chuyển đổi thanh của âm Hán Việt và âm Việt trong cấu tạo chữ Nôm nói chung.

## II. PHỤ ÂM ĐẦU CỦA TIẾNG HUẾ VỚI VIỆC CẤU TẠO CHỮ NÔM HUẾ

Việc chuyển âm từ Hán sang Việt trong cách tạo chữ Nôm cũng giống như sự chuyển biến của âm tố trong bất kỳ một thứ ngôn ngữ nào, tức là dựa vào mối quan hệ của các âm tương ứng. Ở đây, trên cơ sở việc chuyển âm, chúng tôi chỉ quan tâm đến nét đặc trưng của tiếng Huế thể hiện trong một số phụ âm đầu mà chúng đã có ảnh hưởng đến việc cấu tạo chữ Nôm của người Huế.

Tiếng Huế đã sử dụng hầu hết các phụ âm đầu của tiếng Việt, nói như vậy bởi vì vùng ven Huế và các vùng quê Thừa Thiên Huế có khi không sử dụng hết các phụ âm đầu của tiếng Việt, đã có sự chuyển âm từ phụ âm đầu này sang một phụ âm đầu khác ở những vùng đó, ví dụ:

- \* Phụ âm D / z / thường được thay cho NH / ɲ / và GI / ʒ /
- \* Phụ âm Đ / d / thay cho D / z /
- \* Phụ âm T / t / thay cho TR / ʈ /
- \* Phụ âm TR / ts / thay cho CH / c' / và GI / ʒ /
- \* Phụ âm D / z / và CH / c' / thay cho GI / ʒ /
- \* Phụ âm S / s / và TH / t' / chuyển hoá lẫn nhau.
- \* Phụ âm B / b / thay cho V / v /

Việc chuyển đổi phụ âm đầu của tiếng Huế so với hệ thống phụ âm của tiếng Việt tạo nên một trong những nét đặc trưng của tiếng Huế. Sự chuyển đổi phụ âm đầu đó đã có ảnh hưởng đến việc cấu tạo chữ Nôm của người Huế, chúng tôi sắp thành 6 nhóm phụ âm như sau:

### 1. Nhóm phụ âm D / z /, NH / ɲ / và GI / ʒ /

Do tiếng Huế dùng phụ âm đầu D thay cho NH và GI nên trong cấu tạo chữ Nôm Huế, người ta đã dùng:

\* Âm chữ Hán có phụ âm đầu NH để làm thanh phù cho những chữ Nôm bắt đầu bằng phụ âm D, và ngược lại, ví như:

閑 Dàn (mướp)

閑 (Nhàn)

\* Âm chữ Hán có phụ âm đầu NH làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu là GI, hoặc D và ngược lại, như:

日 Giật (mình)	日 ( <i>Nhật</i> )
蚺 Nhái (ếch)	介 ( <i>Giới, gái</i> )
閻 Nhìn (thấy)	閻 ( <i>Diêm</i> )

\* Âm chữ Hán có phụ âm đầu D làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu là GI, và ngược lại, như:

也 Giã (gạo)	也 ( <i>Dã</i> )
皆 Dai (đẳng)	皆 ( <i>Giai</i> )

## 2. Nhóm phụ âm T / t / và TR / ʈ /

Dùng chữ Hán có phụ âm đầu TR làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu T và ngược lại:

啗 Tiéc (nuôi)	哲 ( <i>Triết</i> )
搔 Trao (đôi)	蚤 ( <i>Tao</i> )

## 3. Nhóm phụ âm B / b / và V / v /

Dùng âm chữ Hán có phụ âm đầu B làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu V:

博 Vác (cây)	搏 ( <i>Bác</i> )
-------------	------------------

## 4. Nhóm phụ âm S / ʂ / và TH / tʰ /

Dùng âm chữ Hán có phụ âm đầu TH làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu S, và ngược lại:

愴 Sùng (sốt)	倉 ( <i>Thương</i> )
噉 疎 Thơ (thót)	疎 束 ( <i>Sơ</i> )

## 5. Nhóm phụ âm TR / ʈ /, CH / cʰ / và GI / ʒ /

Dùng âm chữ Hán có phụ âm đầu TR làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu GI, hay CH, và ngược lại:

X Giữa	猪 ( <i>Trư</i> )
沈 Chìm	沈 ( <i>Trầm</i> )
鮓 Giéc (cá)	折 ( <i>Chiết</i> )

## 6. Nhóm phụ âm D / z /, CH / cʰ / và GI / ʒ /

Dùng âm chữ Hán có phụ âm đầu GI làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu D, âm chữ Hán có phụ âm đầu CH làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm đầu GI:

扌 Dang (tay)	江 ( <i>Giang</i> )
X Giồng (lúa, chông)	象 ( <i>Chung</i> )
紉 Chùng (xuống)	用 ( <i>Dung</i> )

Nhưng dù sao bộ phận chữ Nôm Huế được cấu tạo do ảnh hưởng từ phụ âm đầu của tiếng Huế cũng không phải nhiều, nét khác biệt rõ nhất của chữ Nôm Huế so với chữ Nôm nói chung chính là từ yếu tố vần của tiếng Huế mà chúng tôi sẽ trình bày sau đây.

### III. VẦN CỦA TIẾNG HUẾ VÀ CÁCH CẤU TẠO CỦA CHỮ NÔM HUẾ

Nét khác biệt rõ nhất của tiếng Huế so với tiếng của nhiều vùng khác chính là từ các nguyên âm và âm cuối. Nguyên âm và âm cuối trong tiếng Huế có sắc thái đặc biệt, từ đó chúng có ảnh hưởng sâu sắc đến việc cấu tạo chữ Nôm của người Huế.

#### 1. Nguyên âm đơn và nguyên âm đôi trong tiếng Huế

Tiếng Huế cũng có 9 nguyên âm đơn: i, ê, e, u, ơ (â), a (ã), u, ô, o. Trong đó một số nguyên âm đơn được người Huế phát âm khác với các địa phương khác, có thể kê như sau: i => iê; u => ơ (â); a => ơ hoặc ơ; u => ô hoặc o; o => ô.

Đối với nguyên âm đôi, ta thấy có các trường hợp sau: uô => ua; oa => uê; uyê => ơ; oi => oai.

#### 2. Âm cuối trong tiếng Huế

Âm cuối trong tiếng Huế khác với âm cuối trong tiếng ở các địa phương khác:

-n / n / =>	-ng / ŋ /	( an => ang )
-t / t / =>	-c / k /	( mát => mác )

Tất cả những biến thái của nguyên âm và âm cuối trong tiếng Huế nêu trên đã có ảnh hưởng rất lớn đến cách dùng chữ Hán làm thanh phù trong cấu tạo chữ Nôm Huế.

#### 3. Cấu tạo chữ Nôm Huế trên cơ sở vần của tiếng Huế

Hiện tượng chuyển đổi nguyên âm và âm cuối trong tiếng Huế đã dẫn đến việc người Huế dùng chữ Hán có nguyên âm và âm cuối như tiếng Huế để làm phần thanh phù trong cách tạo chữ Nôm.

\* Âm chữ Nôm có nguyên âm u / u /, ô / o / hoặc o / ơ /

- Nguyên âm u thay cho ô khi kết hợp với phụ âm cuối ng, tức vần ung thay cho ông và ngược lại:

溶 Giồng (tổ)	容 ( <i>Dung</i> )
摻 Chông (chọi)	象 ( <i>Chung</i> )

- Nguyên âm u thay cho o khi kết hợp với phụ âm cuối ng, tức vần ung thay cho ong và ngược lại:

X Vùg (đất)	妄 ( <i>Vong</i> )
冲 Xong (rồi)	冲 ( <i>Xung</i> )

\* Âm chữ Nôm có nguyên âm *ư* / ㄨ / và *ơ* / ㄛ / (**â**) / ㄛ̣ /

- Vần *ân* mà người Huế đọc là *âng* thay cho *ung*:

躡 **Dừng** (lại)                      寅 (**Dần**)

- Các vần *ung*, *ăng* và *âng* hay *ăn*, *ân* để thay thế cho nhau trong bộ phận thanh phù:

稱 **Xăng** (lăng)                      稱 (**Xung**)

問 **Văng** (vê)                      問 (**Ván**)

洛 **Lăng** (lê)                      洛 (**Lận**)

- Các vần *ât* hay *ăc* thay thế cho nhau trong bộ phận thanh phù của chữ Nôm:

弋 **Nhắc** (lên)                      弋 (**Dặc**)

扌 **Nhật** (láy)                      日 (**Nhật**)

\* Nhóm phụ âm cuối *-t* / t / và *-c* / k /

Tất cả những từ có phụ âm cuối là *-t* thì tiếng Huế chuyển thành *-c*, nên khi cấu tạo chữ Nôm, người Huế đã dùng âm chữ Hán có phụ âm cuối *-t* để làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm cuối là *-c*, và ngược lại:

芴 **Thuợt** (dài)                      芴 (**Thuộc**)

X **Nhức** (đầu)                      日 (**Nhật, nhựt**)

\* Phụ âm cuối *-n* / n / chuyển thành *-ng* / ㄋ /

Tất cả từ có phụ âm cuối là *-n* trong tiếng Huế đều chuyển thành *-ng*, nên khi cấu tạo chữ Nôm, người Huế dùng âm chữ Hán có phụ âm cuối là *-n* để làm thanh phù cho chữ Nôm có phụ âm cuối là *-ng*, và ngược lại:

- Vần *an* / ㄢ / và *ang* / ㄤ /:

旦 **Đánng** (lê)                      旦 (**Đán**)

- Vần *oan* / ㄨㄢ / chuyển thành *oang* / ㄨㄤ /:

艫 **Khoang** (thuyền)                      寬 (**Khoan**)

- Vần *ăng* / ㄤ̣ / thay cho *ăn* / ㄢ̣ /:

X **Năn** (ní)                      能 (**Năng**)

- Vần *uôn* / ㄨㄢ̣ / chuyển thành *uông* / ㄨㄤ̣ / và ngược lại:

匡 **Khuôn** (phép)                      匡 (**Khuông**)

- Vần *iên* / ㄩㄢ̣ / chuyển thành *iêng* / ㄩㄤ̣ /:

喚 **Miêng** (àn)                      免 (**Miễn**)

- Vần *uong* / ㄨㄨㄥ / và *uon* / ㄨㄨㄢ / thay cho nhau, như:

鯪 *Lươn* (con lươn)

良 (*Lương*)

**\* Một số vần khác**

Bên cạnh những phụ âm cuối và vần phổ biến như đã trình bày trên đây, một số phụ âm cuối và vần khác cũng do cách phát âm của người Huế nên cũng đã ảnh hưởng đến cách cấu tạo chữ Nôm của họ:

\* Vần *oi* thành *oai*

\* Vần *iu* thành *iêu*

\* Vần *âm* thành *ăm*

\* Vần *ôn* thành *uông*

\* Vần *ôi* thành *oi*

\* Vần *inh* thành *anh* và ngược lại.

\* Vần *ai* thành *oi*

Như vậy, ba yếu tố làm nên sự khác biệt giữa một bộ phận chữ Nôm Huế với chữ Nôm truyền thống chính là thanh, phụ âm đầu và vần mà trong đó vần chính là yếu tố quan trọng nhất.

#### **IV. THỬ ĐỀ XUẤT CÁCH ĐỌC CHỮ NÔM HUẾ**

Một chữ Nôm có thể đọc thành nhiều âm và cũng được viết bằng nhiều cách khác nhau, một trong những lí do dẫn đến sự khác nhau ấy chính là do cách phát âm tiếng Việt của từng người, đặc biệt là của từng vùng, nên khi nắm bắt được các qui tắc về ngữ âm cũng như cách chuyển đổi ngữ âm của từng vùng thì việc đọc chữ Nôm sẽ gặp nhiều thuận lợi. Đọc chữ Nôm Huế cũng dựa vào những yếu tố và kinh nghiệm ấy.

Thông thường thì có hai yếu tố làm thành một chữ Nôm là thanh phù và nghĩa phù, trong đó yếu tố thanh phù, tức bộ phận chỉ âm là quan trọng nhất cho việc đọc chữ Nôm. Cho nên khi nắm bắt được yếu tố thanh phù của một chữ Nôm thì sẽ dễ dàng đọc đúng được chữ đó, còn yếu tố nghĩa phù, tức bộ phận chỉ ý, thật ra chỉ để phân biệt nghĩa của từ mà thôi. Tuy nhiên, trong tất cả các cách cấu tạo chữ Nôm, yếu tố thanh phù thường rất phức tạp, yếu tố này có thể là dùng nguyên một chữ Hán, một nửa của chữ Hán, một chữ Hán có thêm dấu phụ, hoặc là một chữ Nôm khác được đọc trại ra... mà tất cả các loại của bộ phận làm thanh phù ấy lại còn tùy vào cách dùng, cách phát âm của từng người ở từng địa phương khác nhau nữa. Vì vậy, để đọc chữ Nôm Huế, điều cần thiết là chúng ta phải có những hiểu biết cơ bản về cách phát âm của người Huế, tức là nắm bắt được các cách chuyển đổi một số nguyên âm, phụ âm đầu và đặc biệt là vần từ tiếng Việt phổ thông sang tiếng Huế. Trên cơ sở đó, chúng tôi xin mạo muội đề xuất một cách đọc chữ Nôm của người Huế.

##### **1. Đọc chữ Nôm Huế từ cơ sở thanh điệu**

Khi cấu tạo chữ Nôm, người Huế thường âm dùng chữ Hán có thanh hỏi làm thanh phù cho chữ Nôm có thanh ngã, và ngược lại, hoặc dùng chữ Hán có thanh nặng làm thanh phù cho chữ Nôm có thanh hỏi hoặc ngã. Vì vậy mỗi khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận dùng làm thanh phù mang một trong ba thanh trên thì tìm cách đọc chữ ấy trên cơ sở vần cảnh và tự chuyển đổi trong phạm vi ba thanh ấy để nhận ra cách đọc đúng. Và như vậy, cách đọc chữ Nôm Huế trên cơ sở thanh điệu không có gì phức tạp lắm, bởi vì hiện tượng chuyển đổi giữa

các thanh âm không xa lạ trong cách đọc chữ Nôm nói chung, điều quan trọng là nắm bắt được các yếu tố cấu trúc của chữ ấy và đặt nó vào một văn cảnh cụ thể thì sẽ nhận ra cách đọc đúng.

## 2. Đọc chữ Nôm Huế từ cơ sở phụ âm đầu

Trong tiếng Huế đã có sự chuyển đổi đáng kể về phụ âm đầu so với hệ thống phụ âm đầu của tiếng Việt. Vì vậy, để đọc đúng chữ Nôm Huế, chúng ta cần lưu ý sự chuyển đổi của một số phụ âm đầu trong tiếng Huế. Sự chuyển đổi ấy đã dẫn đến việc dùng âm chữ Hán có phụ âm đầu này làm thanh phù cho một chữ Nôm có phụ âm đầu khác tương ứng. Trong đó nổi bật nhất là các nhóm phụ âm đầu sau đây:

\* **Nhóm D / z /, NH / ɲ / và GI / ʒ /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có một trong số các phụ âm đầu kể trên thì chúng ta tìm cách đọc chữ đó bằng những âm có phụ âm đầu nằm trong nhóm ấy.

\* **Nhóm T / t / và TR / t̚ /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù mang phụ âm đầu là T thì đọc chữ đó bằng phụ âm đầu là T hoặc TR và ngược lại.

\* **Nhóm B / b / và V / v /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù bằng phụ âm đầu là B thì đọc chữ đó bằng phụ âm đầu là B hoặc V và ngược lại.

\* **Nhóm S / s / và TH / t̚ /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù bắt đầu bằng phụ âm TH thì đọc chữ Nôm đó bằng phụ âm đầu là TH hoặc S và ngược lại.

\* **Nhóm TR / t̚ /, CH / c̚ / và GI / ʒ /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù bắt đầu bằng một trong số các phụ âm đầu trên đây thì hãy đọc chữ đó bằng một trong ba phụ âm đầu trong nhóm đó.

\* **Nhóm D / z /, CH / c̚ / và GI / ʒ /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù bắt đầu bằng một trong ba phụ âm đầu trên đây thì hãy đọc nó cũng bằng âm có phụ âm đầu là một trong ba phụ âm đầu đó.

## 3. Đọc chữ Nôm Huế từ cơ sở vần

Trong số vần của tiếng Huế, nét nổi bật nhất chính là từ các âm cuối: N chuyển thành NG và T chuyển thành C, tạo ra các nhóm vần liên quan.

\* **Nhóm vần có phụ âm cuối là N chuyển thành NG:**

+ **Nhóm vần UNG / uŋ / và ÔNG / oŋ /**: Đã có sự chuyển hóa giữa hai vần *ung* và *ong* trong tiếng Huế, nên khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù là vần *ung* thì có thể đọc thành vần *ong* và ngược lại.

+ **Nhóm vần UNG / uŋ / và ONG / oŋ /**: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù là vần *ung* cũng có thể đọc thành *ong*, và ngược lại.

+ **Nhóm vần UN / un /, AN / an /, ON / oŋ / thành UNG / uŋ /, ANG / aŋ / và ONG / oŋ /**: Tiếng Huế chuyển các vần *un*, *an* và *on* ra thành *ung*, *ang* và *ong*, nên khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù thuộc một trong số các vần trên thì linh hoạt chuyển cách đọc chữ đó thành một trong ba vần ấy và ngược lại.

+ **Nhóm vần AN / an /, UN / un /, AN / an / thành ANG / aŋ /, UNG / uŋ / và ANG / aŋ /**: Các vần *an*, *un* và *an* trong tiếng Huế được chuyển thành *ang*, *ung* và *ang*, nên

khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù thuộc một trong số các vần trên thì linh hoạt chuyển cách đọc chữ đó thành một trong ba vần ấy và ngược lại.

+ **Vần AN** / an / và **ANG** / aŋ /; **ĂN** / ă / và **ĂNG** / ăŋ /: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù là vần *an* thì đọc chữ đó bằng vần *ang* và ngược lại, *ăn* và *ăng* cũng vậy:

+ **Vần OAN** / wan / và **OANG** / waŋ /: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù là vần *oan* thì đọc chữ đó bằng vần *oang* và ngược lại.

+ **Vần UÔN** / uon / và **UÔNG** / uoŋ /: Khi gặp chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù là vần *uôn* thì đọc chữ đó bằng vần *uông* và ngược lại:

+ **Vần IÊN** / iɛn / và **IÊNG** / iɛŋ /: Tương tự trên đây, chữ Nôm Huế có bộ phận làm thanh phù là vần *iên* thì đọc chữ đó bằng vần *iêng* và ngược lại.

**\* Nhóm vần có phụ âm cuối là -t / t / chuyển thành -c / k /**

Âm chữ Nôm có phụ âm cuối là *-t* thì bộ phận làm thanh phù của nó có thể mang phụ âm cuối là *-c*, và ngược lại. Vì vậy, khi gặp chữ Nôm Huế trong nhóm phụ âm cuối này, chúng ta có thể linh hoạt trong việc chuyển hóa các phụ âm cuối của chúng để tìm ra cách đọc chính xác.

Chữ Nôm Huế là một bộ phận chữ Nôm do người Huế cấu tạo thể hiện ảnh hưởng cách phát âm tiếng Việt của địa phương rất đáng kể. Cách cấu tạo ấy được xét trên ba mặt: Thanh, phụ âm đầu và vần, đó là ba yếu tố đã tham gia vào việc cấu tạo chữ Nôm Huế một cách tích cực mà trong đó phụ âm đầu và vần là những yếu tố quan trọng. Do đó, điều cần thiết để hiểu và đọc đúng chữ Nôm Huế, tất nhiên là khi đã có một trình độ chữ Nôm nhất định, chính là cần có hiểu biết cơ bản về tiếng Huế. Bởi vì một khi chúng ta nắm bắt được các qui tắc chuyển hóa giữa các thanh, đặc biệt là phụ âm đầu và vần của tiếng Việt nói chung và tiếng Huế nói riêng thì có thể vận dụng chúng vào cách đọc chữ Nôm Huế một cách dễ dàng hơn. Việc đề xuất cách đọc chữ Nôm Huế trên đây mới chỉ là những kết quả bước đầu rút ra từ kinh nghiệm qua việc phiên âm các tác phẩm Nôm do người Huế viết, cùng với việc khảo sát ngữ âm vùng Thừa Thiên Huế, cho nên chưa thể nào triệt để được. Hy vọng đây là những gợi ý đối với những người quan tâm đến chữ Nôm nói chung và chữ Nôm Huế nói riêng trong quá trình tìm hiểu, giữ gìn và phát huy di sản Hán Nôm của dân tộc mà Huế là một nơi được nhiều người chú ý.

\*\*\*\*\*



## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

### ***Tài liệu dùng làm dữ liệu để khảo sát:***

1. Tự Đức, 1997, *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca*, Phan Đăng phiên âm và chú giải, Nxb. Thuận Hoá, Huế.
2. Tôn Thất Hân, Hồng Thiết, Hồng Nhung, 1902. *Việt sử diễn nghĩa*, Phan Đăng phiên âm và chú giải.
3. *Thúy Kiều truyện chú*, Hồng Thiết hiệu đính và chú giải, Phan Đăng phiên âm.
4. Nguyễn Đại Nhân, 1999, *Sách thuốc ngự y triều Nguyễn*, Lê Quý Nguu phiên âm và chú giải, Nxb. Thuận Hoá, Huế.

### ***Tài liệu tham khảo:***

5. Đào Duy Anh (1975), *Chữ Nôm nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Bửu Cầm, *Dẫn nhập nghiên cứu chữ Nôm*, Đại học Văn khoa Sài Gòn, Bản ronéo.
7. Nguyễn Tài Cẩn, *Cứ liệu ngữ âm lịch sử với vấn đề thời kỳ xuất hiện của chữ Nôm*, Tạp chí Ngôn ngữ. 1/1971
8. Nguyễn Tài Cẩn (1985), *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb. Đại học & Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
9. Trần Văn Kiệm (1997), *Giúp đọc Nôm và Hán Việt*, Texas.
10. Vương Hữu Lễ (1998), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Lê Quán, *Ám đầu của tiếng Việt cổ biểu hiện trong chữ Nôm*, Tạp chí Ngôn ngữ. 3/1972.
12. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb. Đại học & Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
13. Phan Hứa Thụy, *Việt sử diễn nghĩa - một bộ sử diễn ca đáng chú ý*, Tạp chí Văn học, 4/1983.
14. Lê Anh Tuấn, *Tìm hiểu chữ Nôm có dấu phụ trong hệ thống cấu tạo chữ Nôm*, Tạp chí Hán Nôm. 1/1986.

\*\*\*\*\*